

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 01 - 2019

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Mậu Thìn

2. Bà Vũ Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Chúc Ly – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 54/2018/TLST–HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018, về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Bích T, sinh năm 1976

Cư trú tại: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: Số 13/5E, đường Nguyễn Ảnh T, ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Phan Thành Đ, sinh năm 1965

Cư trú tại: Số 5 B Court E MD 21221 U.

(Chị T, anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 11 năm 2018 và lời khai nguyên đơn chị Trần Bích T trình bày: Chị và anh Phan Thành Đ tự nguyện kết hôn vào ngày 20/10/2007, được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05 tháng 5 năm 2011, có tổ chức đám cưới tại Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn chị và anh Phan Thành Đ chung sống với nhau được khoảng 01 tháng tại Thành phố Hồ Chí Minh thì anh Phan Thành Đ trở về H, sau đó hàng năm anh Phan Thành Đ có trở lại Việt Nam để thăm chị và thường xuyên liên lạc với nhau.

Do bất đồng quan điểm, ít có thời gian chung sống cùng nhau nên tình cảm phai nhạt và không hàn gắn được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Thành Đ. Giữa chị và anh Phan Thành Đ không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phan Thành Đ vì công việc và hoàn cảnh riêng nên không thể tham dự các phiên họp, cũng như các phiên tòa, nên có đơn xin vắng mặt phiên họp và các phiên tòa xét xử của Tòa án (đã được hợp pháp hóa lãnh sự tại Cơ quan có thẩm quyền).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Chị T đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, 56 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Bích T với anh Phan Thành Đ. Về con chung, tài sản chung và nợ chung, chị T, anh Đ xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Chị Trần Bích T cư trú tại ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Thành Đ, có quốc tịch H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[2.2] Nguyên đơn chị Trần Bích T và bị đơn anh Phan Thành Đ đều có đơn xin vắng mặt phiên họp và các phiên tòa xét xử của Tòa án (đơn của anh Đ đã được hợp pháp hóa lãnh sự tại Cơ quan có thẩm quyền), nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt chị Trần Bích T và anh Phan Thành Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Chị Trần Bích T và anh Phan Thành Đ tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05 tháng 5 năm 2011, nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Chị T xác định

sau khi kết hôn chị và anh Đ có chung sống với nhau được khoảng 01 tháng tại Thành phố Hồ Chí Minh thì anh Phan Thành Đ trở về H, sau đó hàng năm anh Đ có trở lại Việt Nam để thăm chị và hai người thường xuyên liên lạc với nhau. Do bất đồng quan điểm, ít có thời gian chung sống cùng nhau nên tình cảm phai nhạt và không hàn gắn được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

[3.2] Theo Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*", xét thấy, chị T và anh Đ không chung sống với nhau từ năm 2011 đến nay là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Đ.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung, chị Trần Bích T và anh Phan Thành Đ xác định không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, 56 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh Đ là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật, nên được chấp nhận.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Trần Bích T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280, điểm b khoản 1 Điều 470, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Bích T được ly hôn với anh Phan Thành Đ.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Bích T chịu 300.000 đồng. Chị Trần Bích T đã nộp tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009737 ngày 10 tháng 12 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Trần Bích T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; anh Phan Thành Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đường sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Cao Thị Túy Giang